

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNGĐ - ST

Ngày 08 - 6 - 2018

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Hữu Khánh**

Ông **Nguyễn Văn Sol**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm 1991 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp AH, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, – sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp TP, xã THĐ, huyện CN, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị **Nguyễn Thị N** trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T kết hôn ngày 19 tháng 11 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm, anh T không quan tâm vợ con, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Nay Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh T có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Trúc P, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2016, hiện nay con đang sống với Chị N. Khi ly hôn Chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi

dưỡng con cho đến khi con thành niên, Chị N yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Chị Nguyễn Thị N và Anh Trần Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Trần Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp TP, xã THĐ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị N và Anh T kết hôn ngày 19 tháng 11 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Nguyễn Thị N có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị N đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh T hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập anh T đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn T.

Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay là thời gian dài nhưng anh T không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án xét thấy anh T đã được thông báo về việc chị N yêu cầu ly hôn với anh, nhưng anh T không

có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh T và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trúc P, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2016. Hiện đang ở với Chị N, sau khi ly hôn Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tòa án xét thấy anh T đã được thông báo về việc chị N yêu cầu ly hôn với anh và yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định, nhưng anh T không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của chị N. Mặt khác cháu P hiện tại đang sống với chị N đã ổn định về mặt tinh thần cũng như về tâm lý nên Tòa án giao cháu P cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp. Chị N yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Trúc P tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này Chị N và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Chị N và anh T đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Nguyễn Thị N** được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

[2] Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Trúc P**, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Trúc phương tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này chị N và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị N và anh T đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004153, ngày 21 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết